

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 3 - 2019

“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Hương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Minh Đức và Ông Trần Văn Hiền
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

Ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*Chị Hồ Thị H- Sinh năm 1976; Nghề nghiệp: Lao động tự do; “vắng mặt”

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm 1971; Nghề nghiệp: Thợ sơn; “có mặt”

Cùng trú tại: Thôn Bắc M, xã Cương G, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai của người xin ly hôn cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị H và anh Nguyễn Văn H đã đăng ký kết hôn với nhau ngày 16/10/1995 tại Ủy ban nhân dân xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống tại thôn Bắc Mới, xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay cãi cọ nhau và ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa và xin được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Nguyễn Thị B (SN: 16/3/1996), Nguyễn Thị N (SN: 09/8/1998), Nguyễn Thị Trà M (SN: 17/3/2009). Hai cháu đầu đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên vọng của chị H là để anh H nuôi con chung thứ 3 là Nguyễn Thị

Trà M, mỗi tháng chị H sẽ cấp dưỡng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền nuôi con chung cho anh H.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ: Vợ, chồng không vay nợ ai và ngược lại không ai vay nợ vợ chồng.

Tại bản tự khai, các buổi hòa giải và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn, quá trình sinh sống với nhau và thời gian ly thân như chị H trình bày là đúng. Nay chị H làm đơn ly hôn, bản thân cũng nhận thấy không còn tình cảm với chị H nên cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đúng như chị H trình bày. Hai cháu đầu đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên vọng của anh H là được nuôi con chung thứ 3 là Nguyễn Thị Trà M và yêu cầu chị H cấp dưỡng theo quy định của pháp luật bao nhiêu tùy chị H.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Hương còn có yêu cầu chị H phải trợ cấp khó khăn sau khi vợ chồng ly hôn số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để anh H xây nhà cho hai bố con ở vì hiện tại ngôi nhà bố con đang ở đã lâu cần phải tu sửa lại, nhưng chị H không đồng ý vì chị H không có tiền, chị H đi làm ăn còn để lo cho các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Hồ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại: Thôn Bắc M, xã Cương G, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

[2]. Chị Hồ Thị H là nguyên đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

- *Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị H và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào ngày 16/10/1995 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với nhau tại thôn Bắc M, xã Cương G, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Tình cảm vợ chồng sau khi kết hôn bình thường được 10 năm thì vợ chồng mâu thuẫn. Đến năm 2010 thì vợ chồng ly thân cho đến nay. Xét thấy, Hôn nhân của chị H và anh H chỉ tồn tại về mặt hình thức, thực chất đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*” nhưng chị H và anh H không thực hiện nghĩa vụ này với nhau nữa từ đầu năm 2010 chị H và anh H sống với nhau về kinh tế tình cảm tất cả đều đã riêng biệt không liên quan đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh H. Tại các buổi hòa giải anh H cho rằng tình cảm của anh đối với chị H đã không còn từ lâu nhưng anh không ký đơn ly hôn vì mục đích anh yêu cầu chị phải cấp dưỡng cho bố con anh theo ý của anh anh mới đồng ý thuận tình ly hôn nếu chị H không đáp ứng được yêu cầu của anh thì đề nghị Tòa án đưa ra xét xử chứ không tiến hành hòa giải nhiều lần nữa mất thời gian cho tòa án và các đương sự. Điều này thể hiện anh H không còn tha thiết, níu kéo hay được tiếp tục sống chung và có tình yêu thương gì với chị H nữa. Do đó có căn cứ cho chị H được ly hôn với anh H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu Nguyễn Thị B (SN: 16/3/1996), Cháu Nguyễn Thị N (SN: 09/8/1998) và cháu Nguyễn Thị Trà M (SN: 17/3/2009). Hai cháu đầu B và N đã đủ tuổi trưởng thành nên HĐXX miễn xét. Cháu thứ 3 là Nguyễn Thị Trà M có nguyện vọng được ở với bố, anh H cũng có nguyện vọng được nuôi cháu, chị H cũng đồng ý giao con cho anh H nên HĐXX nhận thấy việc giao cháu Nguyễn Thị Trà M cho anh H nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi là hợp lý vì cháu M hiện đang sinh sống cùng anh H, mọi sinh hoạt học hành phải đảm bảo ổn định cho cháu và phù hợp với quy định tại Điều 58, khoản 2 Điều 81, khoản 1 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải anh H yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nhưng tại phiên tòa anh H không yêu cầu cấp dưỡng 5.000.000đ nữa mà tùy chị H và Tòa án buộc chị H cấp dưỡng bao nhiêu cũng được nhưng đúng theo quy định của pháp luật. Còn chị H có nguyện vọng cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Theo quy định của pháp luật, cha mẹ đều có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, nguyện vọng của chị H tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp cho nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về các khoản nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

[6] Về khoản trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh H có yêu cầu chị H phải trợ cấp khó khăn sau khi vợ chồng ly hôn số tiền là khoảng 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để anh H xây nhà cho hai bố con ở vì hiện tại ngôi nhà anh H và con đang ở đã được vợ chồng xây dựng đã lâu nên đã xuống cấp anh muốn xây ngôi nhà khang trang cho con anh và anh sinh sống không thiệt thòi cho con.

Tại Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Khi ly hôn nếu bên khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình*”.

Nhận thấy, anh H có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng trên 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án anh H không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh chị H có tài sản và tài khoản về việc chị H có nhiều tiền mà không có trách nhiệm với con cái, anh H cũng công nhận chị H đi làm hàng tháng vẫn gửi tiền về cho anh nuôi cháu thứ ba nhưng không đều, lúc thì bốn triệu lúc thì ba triệu, hai cháu đầu thì chị lo vay mượn cho con đi làm ăn, anh không có điều kiện để lo cho con. Điều đó thể hiện việc chị H trước đây và hiện tại vẫn có trách nhiệm với con, còn việc anh yêu cầu chị H trợ cấp khó khăn cho anh sau ly hôn và nguyện vọng để chị H trợ cấp khoản tiền một tỷ để anh xây dựng nhà mới để sinh sống là hoàn toàn không có cơ sở, vì bản thân anh, hàng tháng đang lao động được và có thu nhập để nuôi bản thân và con, còn chị H là phụ nữ cũng phải lo cho bản thân và nuôi các con cho nên chị không chấp nhận cấp dưỡng cho anh số tiền 1 tỷ để anh xây nhà mới.

Tại buổi hòa giải ngày 01/02/2019 sau khi anh H có nguyện vọng yêu cầu chị H trợ cấp khó khăn cho anh khoảng một tỷ, Tòa án đã yêu cầu anh H cung cấp chứng cứ về việc yêu cầu của mình để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh H được giải quyết toàn diện khách quan trong vụ án Tòa án đã ra thông báo nộp án phí đối với yêu cầu của anh H nhưng anh H không nộp và cho rằng không thể có chứng cứ, tài liệu gì giao nộp cho Tòa án, và anh cho rằng chị H không có tài khoản riêng và không có tài sản riêng gì vì mục đích của chị là bỏ chồng thì không bao giờ để lại chứng cứ gì về việc mình có tiền và tài sản cho nên bản thân không thể thu thập cho nên anh cũng không đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ cho anh, việc anh yêu cầu chị H trợ cấp là nguyện vọng của anh chứ cụ thể chị H chấp nhận bao nhiêu thì tùy vào chị H và Tòa án buộc chị H còn việc anh đề nghị là anh đề nghị, anh không làm đơn yêu cầu giải quyết. Xét thấy việc anh H đưa ra yêu cầu mà không có chứng cứ, chứng minh và không có cơ sở về việc yêu cầu của mình nên HĐXX không có căn cứ để buộc chị H chấp nhận yêu cầu của anh Hương.

[7] Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị H chịu toàn bộ án phí ly hôn và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81 và các Điều 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 điều 3, khoản 1 điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Nguyễn Thị B (SN: 16/3/1996), Nguyễn Thị N (SN: 09/8/1998), Nguyễn Thị Trà M (SN: 17/3/2009). Hai cháu đầu đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Nguyễn Thị Trà M (Sn: 17/3/2009) cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 3 năm 2019. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án mà chị H không chịu đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc đóng không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về án phí Chị Hồ Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000708 ngày 29/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Nay chị H phải nộp thêm 300.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị đơn. Báo bị đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho nguyên đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- THADS huyện Nghi Xuân;
- Đương sự;
- UBND xã Cương Gián;
- Lưu HSVA;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, Đóng dấu)

Đặng Thị Hương